

Số/No: 127 /2025/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2025

Hanoi, 20 November 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch
- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF
- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**
- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **19/11/2025**
- Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		1,158,315,000	99.72%
1	ACB	3,200	6.91%
2	BMP	100	1.41%
3	CTD	200	1.51%
4	CTG	500	2.13%
5	FPT	2,000	17.22%
6	GMD	1,100	6.01%
7	HDB	1,500	3.93%
8	KDH	1,400	4.27%
9	MBB	2,900	5.92%
10	MSB	1,600	1.69%
11	MWG	2,100	15.01%
12	NLG	1,100	3.55%
13	OCB	500	0.54%
14	PNJ	1,100	8.47%
15	REE	700	4.06%
16	TCB	2,900	8.83%
17	TPB	1,200	1.82%
18	VPB	2,600	6.45%
II. Tiền/Cash		3,296,240	0.28%
III. Tổng/Total (=I+II)		1,161,611,240	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,158,315,000 VND
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,161,611,240 VND
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: 3,296,240 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có)/ In case stock can be replaced by cash:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied investors	Lý do/ State the Reason
FPT	110,000	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan /Restrictions on investment in related person shares
TPB	19,360	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư /Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action (if any):

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period 19/11/2025(*)	Kỳ trước/ Last period 18/11/2025(**)	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	5		5
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-		-
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ Issued Shares	5,600,000	5,100,000	500,000
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,850	11,850	-
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	59,242,173,285	59,138,337,081	103,836,204
của một lô ETF/per Creation Unit	1,161,611,240	1,159,575,236	2,036,004
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,616.11	11,595.75	20.36
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,576.52	2,603.54	-27.02

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 18/11/2025/Item 5 is net asset value calculated as at November 18, 2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 17/11/2025/Item 5 is net asset value calculated as at November 17, 2025

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company

